TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2020/QĐST- DS	

L, ngày 25 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 161/2020/TLST–DS, ngày 13 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1963 và bà Lâm Thị M, sinh năm 1964; cùng địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

1.2. Bị đơn:

1.2.1. Bà Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: Nguyễn Thanh T), sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

1.2.2. Ông Nguyễn Thanh T (tên gọi khác: Nguyễn Thanh P), sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: Nguyễn Thanh T), sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh T.

1.2.3. Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1946; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Hoàng C, bà Lâm Thị M và ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Ngọc B và bà Nguyễn Thị Lệ H thống nhất xác định: Vợ chồng ông T, bà B và bà H còn nợ ông C, bà M số tiền là 390.000.000đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng); vợ chồng ông T, bà B và bà H cùng có nghĩa vụ liên đới hoàn trả đủ một lần số tiền là 390.000.000đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng) cho ông C và bà M vào ngày 11 tháng 01 năm 2021.

Địa điểm giao nhận: Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Ông Nguyễn Hoàng C, bà Lâm Thị M và ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Ngọc B và bà Nguyễn Thị Lệ H thống nhất xác định: Kể từ ngày ông C và bà M có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng vợ chồng ông T, bà B và bà H còn phải trả lãi cho ông C và bà M số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng C, bà Lâm Thị M phải chịu 4.875.000đồng (bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Ngọc B và bà Nguyễn Thị Lệ H cùng có nghĩa vụ liên đới chịu 4.875.000đồng (bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; cụ thể: vợ chồng ông T, bà B và bà H xác định: vợ chồng ông T, bà B phải chịu 2.437.500đồng (hai triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) và bà H phải chịu 2.437.500đồng (hai triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn vợ chồng ông T, bà B thống nhất nộp thay án phí cho ông C, bà M. Như vậy, vợ chồng ông T, bà B phải chịu 7.312.500đồng (bảy triệu ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với bà Nguyễn Thị Lệ H là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng C, bà Lâm Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.750.000đồng (chín triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007177 ngày 24/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Hoàng Bảo